

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-3-2023

V/v ly hôn, chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Thanh Xuân

Ông Nguyễn Nam Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Hồ Tấn G, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ đơn khởi kiện và các lời khai của bà Nguyễn Thị L thể hiện như sau: Bà và ông Hồ Tấn G chung sống với nhau vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn theo quy định;

quá trình chung sống với ông Hồ Tấn G có 02 con chung tên Hồ Thị Tú Q, sinh năm 1996 và Hồ Thị Tú D, sinh năm 2000, hiện nay đã trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi chuyện gia đình nên chung sống không hạnh phúc; bà với ông Hồ Tấn G đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị L xét thấy không còn tình cảm với ông Hồ Tấn G nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Tấn G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Thị Tú Q, sinh năm 1996 và Hồ Thị Tú D, sinh năm 2000, hiện nay đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Hồ Tấn G đang quản lý số tiền 40.000.000 đồng, bà yêu cầu được hưởng số tiền này; bà thống nhất giao cho ông Hồ Tấn G được hưởng, quản lý và sử dụng thửa đất 178, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.429,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, người sử dụng đất hộ ông Hồ Tấn G và bà Nguyễn Thị L.

Về nợ chung: Không có, nên bà Nguyễn Thị L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Hồ Tấn G có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến bằng văn bản trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L về thời điểm chung sống, không có đăng ký kết hôn và về nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi chuyện gia đình nên chung sống không hạnh phúc; bà với bà Nguyễn Thị L đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay ông Hồ Tấn G xét thấy không còn tình cảm, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên ông Hồ Tấn G có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông Hồ Tấn G thống nhất ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Thị Tú Q, sinh năm 1996 và Hồ Thị Tú D, sinh năm 2000, hiện nay đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông đang quản lý số tiền 40.000.000 đồng, ông thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị L được hưởng số tiền này; ông đồng ý và thống nhất được hưởng, quản lý và sử dụng thửa đất 178, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.429,9m², loại

đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, người sử dụng đất hộ ông Hồ Tấn G và bà Nguyễn Thị L.

Về nợ chung: Không có, nên ông Hồ Tấn G cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G chung sống với nhau vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn; về nguyên nhân mâu thuẫn bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G thống nhất là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nên chung sống không hạnh phúc, bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G đã không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay; nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn và ông Hồ Tấn G cũng thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G là vợ chồng.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G có 02 con chung tên Hồ Thị Tú Q, sinh năm 1996 và Hồ Thị Tú D, sinh năm 2000, hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G thỏa thuận thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị L được hưởng số tiền 40.000.000 đồng; thỏa thuận thống nhất giao cho ông Hồ Tấn G được hưởng, quản lý và sử dụng thửa đất 178, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.429,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, người sử dụng đất hộ ông Hồ Tấn G và bà Nguyễn Thị L, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G; ông Hồ Tấn G có trách nhiệm giao lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000 đồng do ông Hồ Tấn G đang quản lý; ông Hồ Tấn G được hưởng, quản lý và sử dụng thửa đất 178, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.429,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, người sử dụng đất hộ ông Hồ Tấn G và bà Nguyễn Thị L.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G khai không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về án phí chia tài sản, do bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G thỏa thuận chia tài sản chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải thì đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và bị đơn ông Hồ Tấn G có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G chung sống với nhau vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung thì bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn và không còn tình cảm với nhau; nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Hồ Tấn G và ông Hồ Tấn G có ý kiến thống nhất ly hôn với bà Nguyễn Thị L nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G có 02 con chung tên Hồ Thị Tú Q, sinh năm 1996 và Hồ Thị Tú D, sinh năm 2000, hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G thừa nhận trong quá trình chung sống ông bà có tài sản chung là số tiền 40.000.000 đồng hiện ông Hồ Tấn G đang quản lý và thửa đất 178, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.429,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, người sử dụng đất hộ ông Hồ Tấn G và bà Nguyễn Thị L. Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G thỏa thuận thống nhất giao cho bà Nguyễn Thị L được hưởng số tiền 40.000.000 đồng; thỏa thuận thống nhất giao cho ông Hồ Tấn G được hưởng, quản lý và sử

dụng thửa đất 178, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.429,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, người sử dụng đất hộ ông Hồ Tấn G và bà Nguyễn Thị L. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc ông Hồ Tấn G có trách nhiệm giao lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000 đồng; ông Hồ Tấn G được hưởng, quản lý và sử dụng thửa đất 178, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.429,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, người sử dụng đất hộ ông Hồ Tấn G và bà Nguyễn Thị L.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do các đương sự đã tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án công nhận trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các đương sự không phải chịu án phí chia tài sản chung.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[8] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G có 02 con chung tên Hồ Thị Tú Q, sinh năm 1996 và Hồ Thị Tú D, sinh năm 2000, hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G về chia tài sản chung, buộc ông Hồ Tấn G có trách nhiệm giao lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 40.000.000 đồng; ông Hồ Tấn G được hưởng, quản lý và sử dụng thửa đất 178, tờ bản đồ số 31, diện tích 3.429,9m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, người sử dụng đất hộ ông Hồ Tấn G và bà Nguyễn Thị L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Hồ Tấn G có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện nghĩa vụ tài chính, làm các thủ tục xin điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án khi có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự theo quyết định của bản án khi có hiệu lực pháp luật.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.300.000 đồng theo biên lai thu số 0009288 ngày 27 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh; bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L và ông Hồ Tấn G không phải chịu án phí chia tài sản chung.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- UBND xã A, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính